

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2023

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thông;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 599/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Thúy T, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Số 7 đường 13 tháng 3, tổ 5, khu phố 7, thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp T1, xã LH, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Minh D, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Số 7 đường 13 tháng 3, tổ 5, khu phố 7, thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp RĐ, xã ĐT, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/12/2022, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Thúy T và ông Hồ Minh D chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương. Ban đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D đi làm xa, ít khi có mặt ở nhà nên tình cảm vợ chồng không còn như xưa. Từ tháng 10/2020 đến nay, bà T và ông D đã không còn chung sống với nhau, bà T về nhà mẹ đẻ tại ấp T1, xã LH, huyện Dầu Tiếng để sinh sống, ông D cùng gia đình chuyển đến ấp RĐ, xã ĐT, huyện Dầu Tiếng để sinh sống. Hiện nay, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm, không có đời sống chung nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Giữa bà T và ông D có 02 con chung tên Hồ Ngọc Bảo T2, sinh ngày 22/3/2007 và Hồ Nguyên Bảo N, sinh ngày 26/6/2012. Các con chung đang ở cùng với ông D tại ấp RĐ, xã ĐT, huyện Dầu Tiếng. Bà T đồng ý để ông D nuôi dưỡng 02 con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà T cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 05/12/2022; Bản photo căn cước công dân; Xác nhận thông tin về cư trú; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao giấy khai sinh; đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ; đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn ông D trình bày:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để ông D biết và thực hiện tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của con chung: Quá trình tiến hành tố tụng, cháu Hồ Ngọc Bảo T2, sinh ngày 22/3/2007 và Hồ Nguyên Bảo N, sinh ngày 26/6/2012 là con chung của ông D và bà T có ý kiến: Các cháu đang ở cùng với ông D tại ấp RĐ, xã ĐT, huyện Dầu Tiếng. Khi cha và mẹ ly hôn, hai cháu có nguyện vọng được với với cha.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:

Tại Biên bản xác minh ngày 09/01/2023 của TAND huyện Dầu Tiếng, ông Mai Bá T3 là Trưởng ban lãnh đạo ấp RĐ, xã ĐT, huyện Dầu Tiếng trình bày: Anh Hồ Minh D là con của ông Hồ Minh L1 và bà Lê Thị L2, cùng sinh năm 1959. Gia đình anh D có đăng ký thường trú tại khu phố 7, thị trấn D nhưng từ năm 2021 đến nay cất nhà và thực hiện đăng ký tạm trú tại tổ 6, ấp RĐ, xã ĐT, huyện Dầu Tiếng. Anh D thường đi làm xa, ít khi có mặt tại địa phương, đối với chị T có tên trong danh sách tạm trú nhưng không cư trú tại tổ 6, ấp RĐ, xã ĐT,

huyện Dầu Tiếng. Anh D và chị T có 02 người con tên Hồ Ngọc Bảo T2 và Hồ Nguyên Bảo N, hai cháu đang cư trú cùng nhà với ông L1, bà L2 và anh D tại tổ 6, ấp RĐ, xã ĐT và do ông L1 và bà L2 nuôi dưỡng. Về nguyên nhân gì dẫn đến việc anh D và chị T ly hôn với nhau thì ông T3 không rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà T; bị đơn ông D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt ông D theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về ly hôn và giao con chung cho ông D được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đào Thị Thuý T khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với ông Hồ Minh D. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn ông Hồ Minh D cư trú tại xã ĐT, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông D theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương nên hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông D phát sinh mâu thuẫn do ông D đi làm xa, ít khi có mặt ở nhà. Từ tháng 10/2020 đến nay, bà T và ông D đã không còn chung sống với nhau, bà T về nhà mẹ đẻ tại ấp T1, xã LH, huyện Dầu Tiếng để sinh sống, ông D cùng gia đình chuyển đến ấp RĐ, xã ĐT, huyện Dầu Tiếng để sinh sống. Hiện nay, giữa vợ chồng không có đời sống chung, không có sự quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông D đã đến mức trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông D theo quy định tại các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa bà T và ông D có 02 con chung tên Hồ Ngọc Bảo T2, sinh ngày 22/3/2007 và Hồ Nguyên Bảo N, sinh ngày 26/6/2012. Cháu Trân và Ngọc đang ở cùng với ông D tại ấp RĐ, xã DT, huyện Dầu Tiếng. Bà Đào Thị Thúy T đồng ý để ông D nuôi dưỡng 02 con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2023, cháu Trân và Ngọc có nguyện vọng được ở với ông D, do đó cần tiếp tục giao con chung cho ông D nuôi dưỡng và bà T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 107, 110 và 116 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự được quyền khởi kiện tại một vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng, diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” của bà Đào Thị Thúy Trinh đối với ông Hồ Minh D, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Thúy T được ly hôn với ông Hồ Minh D.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao 02 con chung tên Hồ Ngọc Bảo T2, sinh ngày 22/3/2007 và Hồ Nguyên Bảo N, sinh ngày 26/6/2012 cho ông Hồ Minh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Đào Thị Thúy Trinh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đào Thị Thuý Trinh phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011246 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà T đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 29/6/2023).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND TT D (175.2006);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng